dì pán

地盘

noun · territory; turf

Example Sentences

tā men wèi le zhēng duó dì pán dǎ le qǐ lái
他们为了争夺地盘打了起来。

They fought over territory.

zhè lǐ shì wǒ men de dì pán wài rén bù néng suí biàn jìn rù
这里是我们的地盘，外人不能随便进入。

This is our turf, outsiders cannot enter casually.
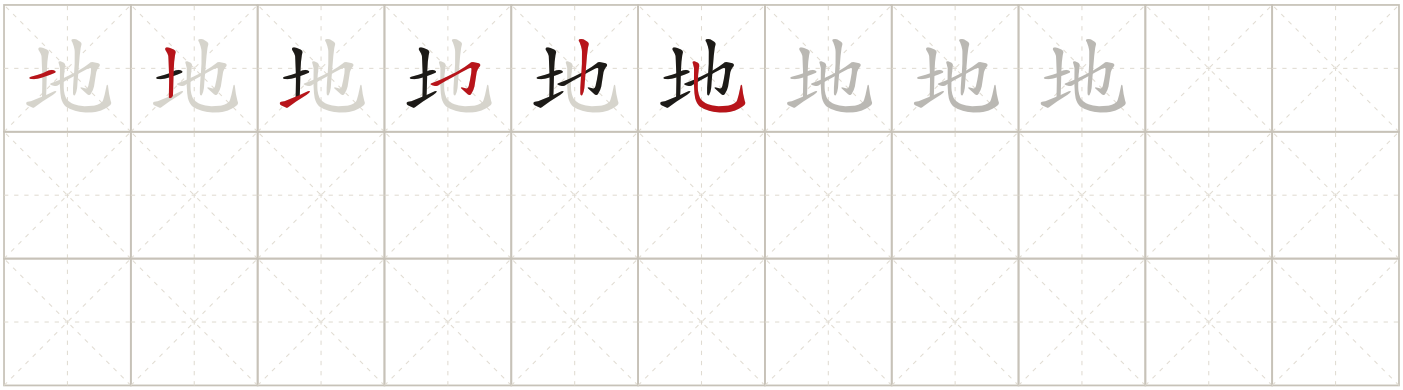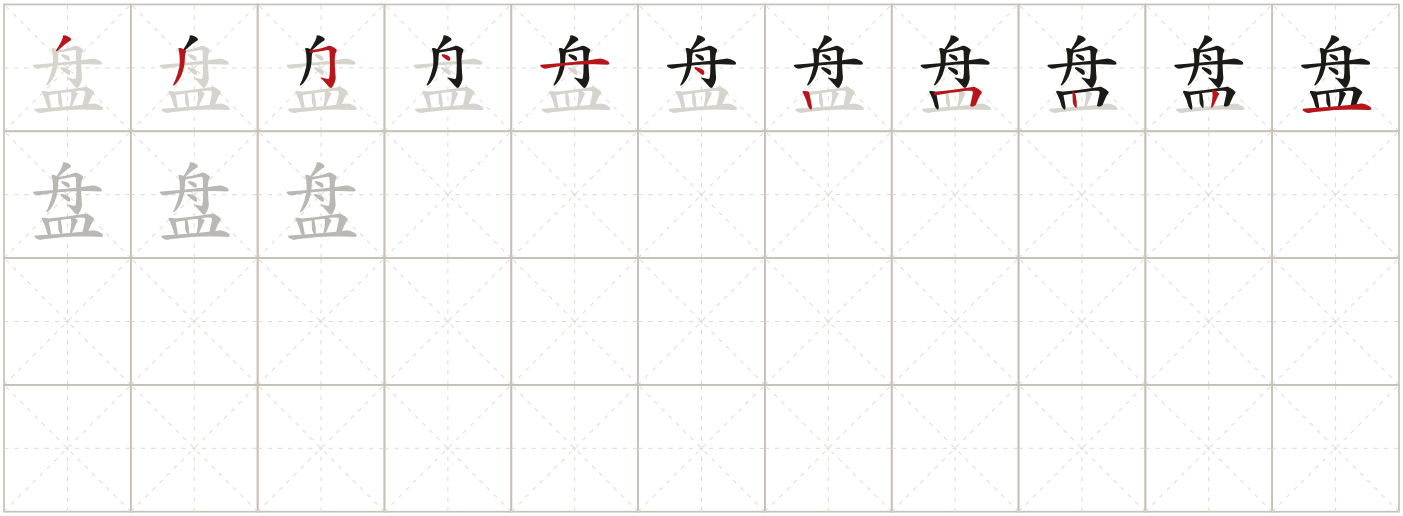
Trace each character, then write the word on your own.